

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ PHÂN BỐ HỌ RONG MƠ (SARGASSACEAE) KHU VỰC VEN BÁN ĐẢO HẢI VÂN – SƠN CHÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Hồ Thị Thu Hoài, Nguyễn Đắc Anh Khoa, Ngô Thị Hương Giang,
Trần Đình Minh, Trương Văn Đoàn, Võ Điều*

*: Khoa Thủy Sản, trường Đại học Nông, Lâm Huế

TÓM TẮT

Các loài rong biển thuộc họ rong Mơ (*Sargassaceae*) là đối tượng có giá trị kinh tế cao với nhiều công dụng. Sản phẩm chiết xuất của rong Mơ được sử dụng trong các lĩnh vực: thực phẩm, dược phẩm và nguyên liệu trên cho công nghiệp của nhiều nước trên thế giới nhiều năm nay. Miền trung nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng là nơi rong Mơ tập trung và phân bố quan trọng.

Nghiên cứu này đã xác định được 7 loài rong thuộc 2 chi *Turbinaria* và *Sargassum* trong họ rong Mơ trong đó chi *Sargassum* (5 loài) có độ đa dạng cao hơn chi *Turbinaria*. STD3, SH1, SH2, SH3.

Khảo sát theo tuyến cho thấy vùng phía bắc bán đảo Hải Vân – Sơn Chà có sự phong phú về thành phần loài tại các điểm hơn vùng phía Nam bán đảo. Số loài dao động trong mỗi điểm từ 1-5 loài. Chi *Sargassum* có sự phân bố rộng hơn, trong 9 điểm khảo sát thì các loài trong chi *Sargassum* xuất hiện trên 7 điểm trong khi đó các loài trong chi *Turbinaria* chỉ xuất hiện ở 5 điểm khảo sát.

Phương pháp đánh giá độ phủ rong của Saito và Atobe (1970) và Margarita (2003) được sử dụng trong nghiên cứu này cho thấy giá trị độ phủ giao động từ 37,5% - đến 75%, các điểm SH4, SH5, SHT6 ở phía bắc bán đảo là vùng có độ phủ rộng trong các điểm khảo sát.

Từ khóa: rong Mơ (*Sargassaceae*), *Sargassum*, *Turbinaria*, phân bố, độ phủ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rong biển (*marine algae*) có vai trò quan trọng trong nguồn lợi sinh vật biển, ngày càng được con người khai thác, nuôi trồng và sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực thực phẩm, công nghệ...Mức sản xuất hàng năm trên trên thế giới xấp xỉ 4 triệu rong tươi. Khoảng 80% của sản lượng này được sản xuất từ các nước châu Á thái Bình Dương. Các nước sản xuất nhiều nhất hiện nay là Trung Quốc, Nhật Bản, Philippine...

Việt Nam có nguồn lợi rong biển rất đa dạng và phong phú. Theo các kết quả nghiên cứu gần đây Ở nước ta có khoảng 794 loài rong biển, phân bố ở vùng biển miền Bắc 310 loài (các nghiên cứu từ Quảng Bình trở ra), miền Nam 484 loài (Các nghiên cứu từ Đà Nẵng trở vào), 156 loài tìm thấy ở cả hai miền (Nguyễn Hữu Dinh, 1998).

Họ rong Mơ (*Sargassaceae*) là đối tượng có nhiều công dụng, được sử dụng trong các lĩnh vực: thực phẩm, dược phẩm và nguyên liệu trên cho công nghiệp của nhiều nước trên thế giới ở nhiều năm nay. Ở Việt Nam rong Mơ được nhân dân ta biết đến và sử dụng chủ yếu chỉ với mục đích làm thực phẩm và phân bón.

Miền trung nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng là nơi rong Mơ tập trung và phân bố quan trọng nhưng chỉ có một số công trình liệt kê, mô tả đơn giản chứ chưa đáp ứng được các yêu cầu thực tế đặt ra.

Đề tài: “Thành phần loài và phân bố họ rong Mơ (*Sargassaceae*) khu vực ven bán đảo Hải Vân - Sơn Chà, tỉnh Thừa Thiên Huế” sẽ đóng góp thêm cơ sở dữ liệu trong việc đánh giá và sử dụng nguồn lợi rong Mơ có hiệu quả tại vùng biển này.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nguyên liệu: Các loài rong biển trong họ rong Mơ (*Sargassaceae*)

Nghiên cứu ngoài thực địa: Thu thập và ghi chép số liệu của những loài rong bắt gặp được có đầy đủ các bộ phận để xác định thành phần loài. Rong biển được bảo quản bằng dung dịch foomcol 4% và phân tích trong phòng thí nghiệm.

- Xác định 6 điểm thu mẫu vùng ven biển phía bắc bán đảo Hải Vân- Sơn Chà (Kí hiệu STH), 3 điểm thu mẫu ở vùng ở ven biển phía nam bán đảo Hải Vân- Sơn Chà (Kí hiệu STD) (hình 1)

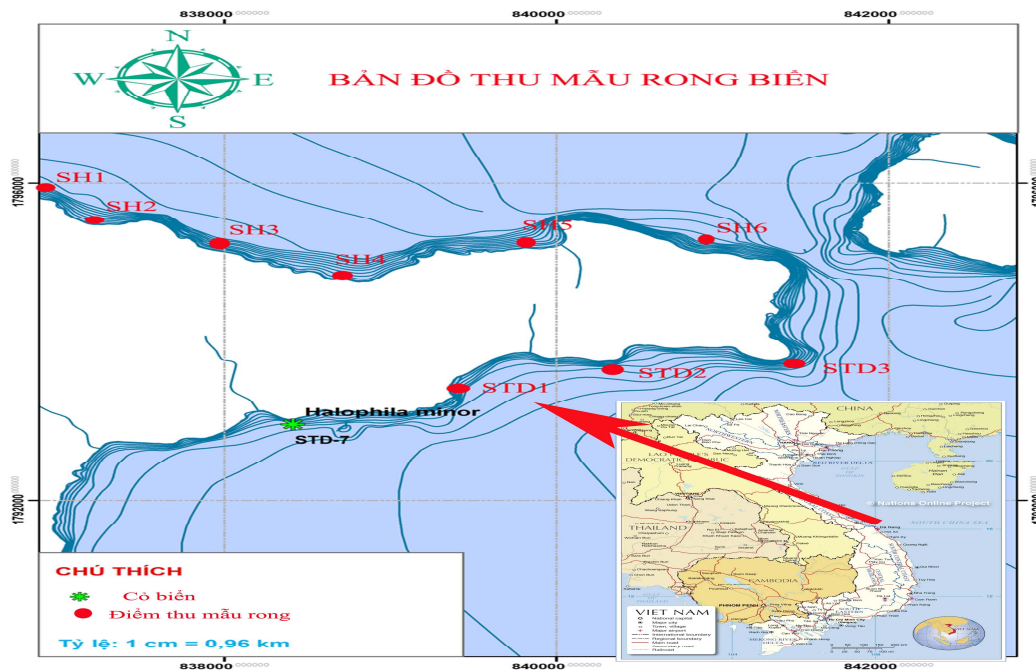
Độ phủ: Tại mỗi điểm tiến hành thu mẫu bằng cách đặt 3 khung định lượng có diện tích 0.5m x 0.5m ngẫu nhiên trong đới rong để xác định độ che phủ của rong biển.

Nghiên cứu trong phòng thí nghiệm

Xác định thành phần loài: Phân loại thực vật theo phương pháp so sánh hình thái. Các tài liệu chính: Phạm Hoàng Hộ (2001), Nguyễn Hữu Đại, Nguyễn Văn Tiến (2002).

Đánh giá độ phủ rong biển theo cấp bậc từ 1- đến 5 theo phương pháp Saito và Atobe (1970) và Margarita (2003).

Xử lý số liệu: Kết quả phân tích được xử lý bằng phần mềm Microsoft exel 2003.



Hình 1: Các điểm thu mẫu rong biển

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thành phần loài rong Mơ

Kết quả khảo sát đã xác định 24 loài rong biển thuộc 16 chi và 4 ngành rong biển ở vùng ven bán đảo Hải Vân- Sơn Chà. Phong phú nhất về thành phần loài thuộc về ngành rong Nâu

Ngành Rong nâu (Phaeophyta)										
1	<i>Sargassum</i> sp.				x			x	x	
2	<i>Sargassum echinocarpum</i> J. Agardh			x						
3	<i>Sargassum feldmannii</i> Pham Hoang	x								
4	<i>Sargassum microcystum</i> J. Agardh				x			x		x
5	<i>Sargassum swartzii</i> C. Agardh			x	x	x		x	x	x
6	<i>Turbinaria conoides</i> (J.Agardh) Kutz.							x		
7	<i>Turbinaria ornata</i> J. Agardh			x	x	x	x			
Tổng số		1	0	3	4	2	1	4	1	2

Sargassum là chi có sự phân bố rộng ở các điểm khảo sát. Trong 9 điểm thu mẫu có đến 7 điểm có sự xuất hiện của các loài trong chi *Sargassum*, thậm chí điểm SH1 và SH4 có 3/5 loài *Sargassum* hiện diện. Các loài trong chi *Turbinaria* chỉ thấy xuất hiện trong 5 điểm thu mẫu là STD3, SHT1, STH2, STH3 và STH4.

Loài có tần xuất xuất hiện cao ở các điểm thu mẫu là *Sargassum swartzii* (xuất hiện 6 điểm thu mẫu). Đây là loài phân bố rộng từ Bắc vào Nam và là loài thường bắt gặp ở các rạn san hô.[1], [2], [3]. *Sargassum feldmannii* là loài chỉ thấy xuất hiện ở vùng biển phía Nam bán đảo (STD1).

3.2.2. Độ che phủ và sinh khối của rong

Đa số các điểm khảo sát rong Mơ đều có độ che phủ từ bậc 4- đến bậc 5, với giá trị trung bình % diện tích che phủ từ 37,5 – 75 % diện tích . Độ che phủ của các thảm rong biển thường ưu thế bởi các loài trong nhóm rong Mơ: *Sargassum*, *Turbinaria* .(Bảng 2)

Bảng 2: Tỷ lệ % diện tích bao phủ của rong Mơ

Vị trí thu mẫu	Số loài	Tỷ lệ % diện tích bao phủ	Giá trị trung bình độ phủ %
STD1	1	-	-
STD2	0		
STD3	3	50-100 (bậc 5)	75
SH1	4	25-50 (bậc 4)	37,5
SH2	2	25-50 (bậc 4)	37,5
SH3	1	25-50 (bậc 4)	37,5
SH4	4	50-100 (bậc 5)	75
SH5	1	50-100 (bậc 5)	75
SH6	2	50-100 (bậc 5)	75

Những vùng có độ phủ rong Mơ lớn thường tập trung ở vùng giữa phía Bắc bán đảo (SH) trong đó vùng biển phía Nam bán đảo và các điểm (SH1, SH2, SH3- các điểm gần vị trí cửa biển và đầm Lập An) độ phủ của rong Mơ trở nên nghèo nàn hơn (STD). Có thể giải thích đặc trưng này do vùng biển phía Bắc bán đảo ít chịu tác động của các tác động con người, điều kiện môi trường còn nguyên sơ nên là điều kiện phát triển lý tưởng của các đại diện rong mơ phát triển. Rong Mơ (*Sargassum*) và rong Cùi Bắp (*Turbinaria*) là những loài rong có kích thước lớn và thường chiếm ưu thế ở các khu vực nước nông ven bờ và cũng là loài có giá trị kinh tế cao thường được người dân địa phương khai thác.

Có thể thấy rằng trữ lượng rong của vùng này khá dồi dào tuy nhiên chúng chưa được chú ý khai thác.

4. KẾT LUẬN

Họ rong Mơ (Sargassaceae) có 7 loài thuộc 2 chi: *Sargassum*, *Turbinaria* chiếm 70% tổng số loài trong ngành rong Nâu. Chi *Sargassum* có số loài phong phú nhất rong họ rong mơ (5 loài) trong khi chi *Turbinaria* chỉ xác định được 2 loài.

Rong Mơ phân bố ở vùng ven bờ có nền đáy đá, hoặc xen kẽ rạn san hô và phụ thuộc vào độ trong của nước biển. Trong 9 điểm khảo sát rong Mơ xuất hiện đến 8 điểm khảo sát. Phong phú nhất ở các điểm STD3 và SH1 và xuất hiện ít nhất ở điểm STD1, SH3 và SH5

Loài có tần xuất xuất hiện cao ở các điểm thu mẫu là *Sargassum swartzii* (]. *Sargassum feldmannii* là loài chỉ thấy xuất hiện ở vùng biển phía Nam bán đảo (STD1).

Đa số các điểm khảo sát định lượng rong Mơ đều có độ che phủ từ bậc 4- đến bậc 5, với giá trị trung bình % diện tích che phủ từ 37,5 – 75 % diện tích. Vùng có độ phủ rong Mơ lớn thường tập trung ở vùng giữa phía Bắc bán đảo (SH) trong đó vùng biển phía Nam bán đảo và các điểm (SH1, SH2, SH3- các điểm gần vị trí cửa biển và đầm Lập An) độ phủ của rong Mơ trở nên nghèo nàn hơn (STD).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt.

1. Nguyễn Hữu Dinh, Huỳnh Quang Năng, Trần Ngọc Bút, Nguyễn Văn Tiên; 1993; *Rong biển Việt Nam- phần phía bắc*; NXB Khoa học & Kỹ thuật.
2. Nguyễn Hữu Đại; 1997; *Rong mơ Việt Nam- nguồn lợi và sử dụng*; NXB Nông Nghiệp.
3. Phạm Hoàng Hộ; 1969; *Rong Biển Việt Nam*; Trung tâm học liệu xuất bản.
4. Tstutsui Isao, Huỳnh Quang Năng, Nguyễn Hữu Dinh, Arai Shogo và Yoshida Tadao; 2005; *Thực vật biển thường thấy ở phía nam Việt Nam*; NXB Hội rong biển Nhật Bản.

B. Tài liệu tiếng nước ngoài

5. Bortone S.A.; 2000; *Seagrasses: Monitoring, Ecology, Physiology and Management*; CRC Press. Printed in the United States of America.
6. Jacqueline CABIOCH, 1992, *Guide des algues des mers D'EUROPE*

SPECIES COMPOSITION AND DISTRIBUTION OF SARGASSACEAE AT THE INSHORE HAI VAN – SON CHA PENINSULA IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Ho Thi Thu Hoai, Ngo Thi Huong Giang

Tran Dinh Minh, Truong Van Dan, Vo Dieu*

*Faculty of Fisheries, Hue University of Agriculture and Forestry

ABSTRACT

The species of the family of Sargassaceae get high economic value and a great number of uses. Product extracted from Sargassum have been used in different fields such as food, medicine and industry all over the world during years ago. This Sargassum concentrates and distributes importantly in the Center of Vietnam, in which Thua Thien Hue province situates.

This study was determined 7 species of two genera of Turbinaria and Sargassum in family of Sargassaceae. The biological diversity of Sargassum genus (5 species) was more than Turbinaria genus (stations: STD3, SH1, SH2, SH3)

The survey done in slice showed more species in the north than in the south of Hai Van- Son Cha peninsula. The number of species of each area was between 1 – 5 species. Sargassum distributed wider than Turbinaria. From 9 stations, the species in genus of Sargassum appeared at 7 stations, otherwhile only at 5 stations for Turbinaria.

The method of Saito and Atope (1970) and Margarita (2003) was used in this study which reflected percentage cover from 37.5% to 75%. SH4, SH5, SHT6 from the north of the peninsula were the stations of high.

Key words: *Sargassaceae, Sargassum, Turbinaria, distribution, cover.*